CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Xuất nhập khẩu Y tế Domesco

Ngày 31/12/2024	69,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	4.5%	**2.5%**	**13.4%**

DT thuần
Q4/24
571
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 123| 27.3%
YoY: ▲ 102| 21.6%

LN thuần
Q4/24
95.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 56.9| 147%
YoY: ▲ 25.8| 37.0%

LN sau thuế
Q4/24
76.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 44.1| 134%
YoY: ▲ 19.1| 33.0%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
13.3%
YoY: +/-▲ 0.0%

ROE
2024
12.9%
YoY: +/-▲ 0.6%

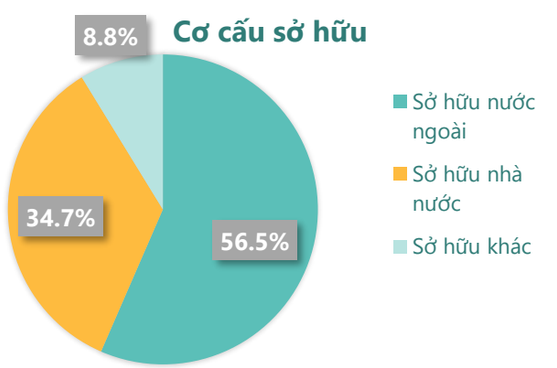
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	54,000 - 71,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,396
Số lượng CPLH (CP)	34,727,465
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,030
Sở hữu nước ngoài	56.5%
Beta	0.37
EPS	5,837
P/E	11.8

DT thuần
2024
1,899
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 180| 10.5%

LN thuần
2024
250
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 28.0| 12.2%

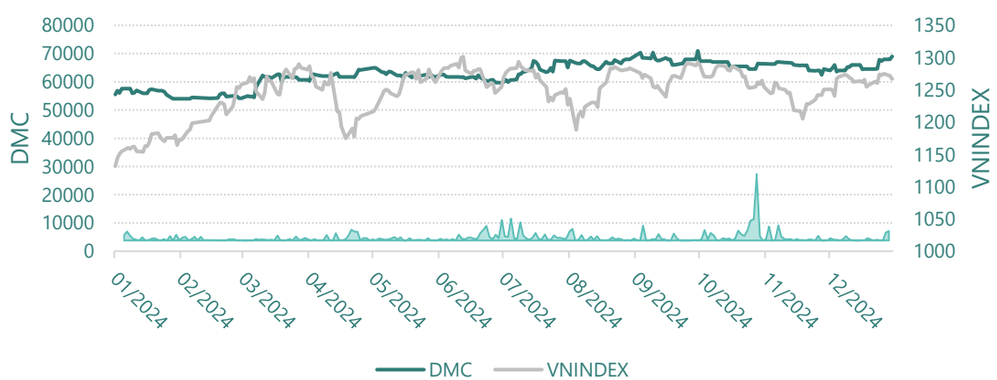
LN sau thuế
2024
203
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 20.0| 10.6%

Cơ cấu sở hữu

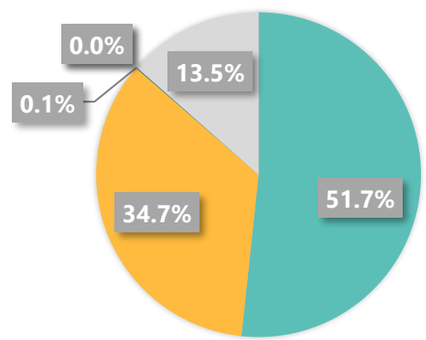


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



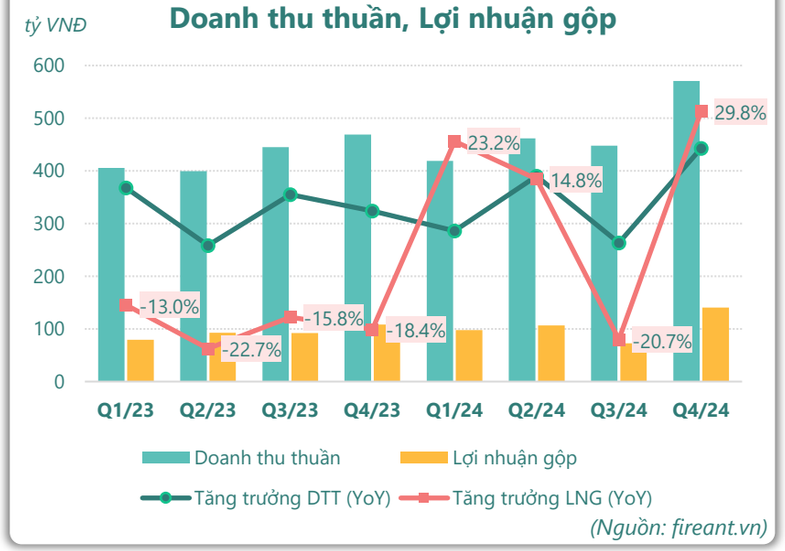
Cơ cấu cổ đông



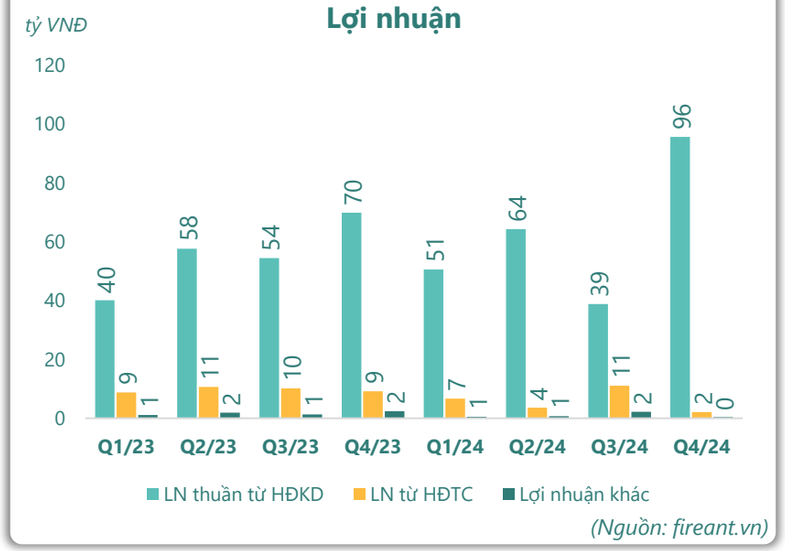
- Abbott Laboratories (Chile) Holdco SpA
- Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước
- Phạm Ngọc Tuyền (Kế toán trưởng)
- Nguyễn Phi Thức (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Thị Mai Trâm
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

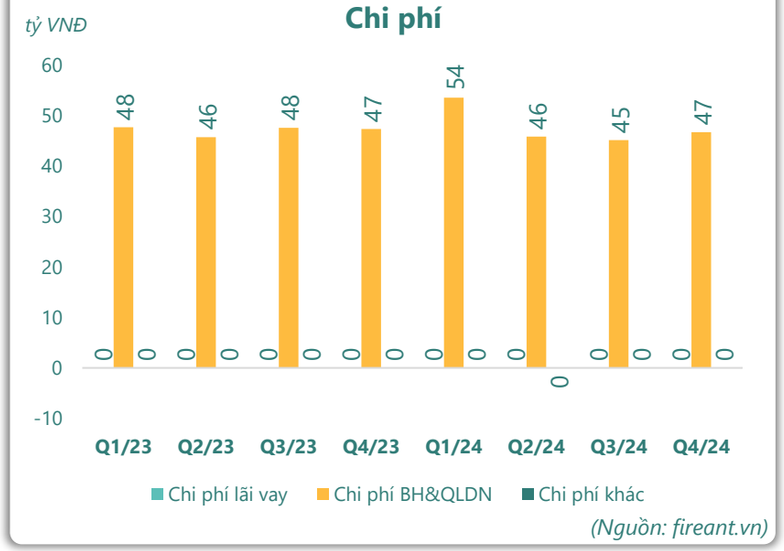
KẾT QUẢ KINH DOANH



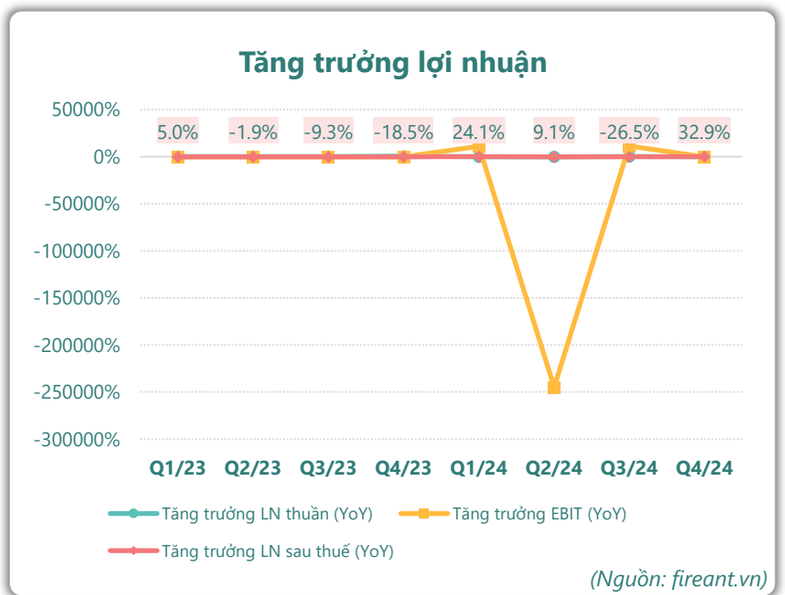
(Nguồn: fireant.vn)



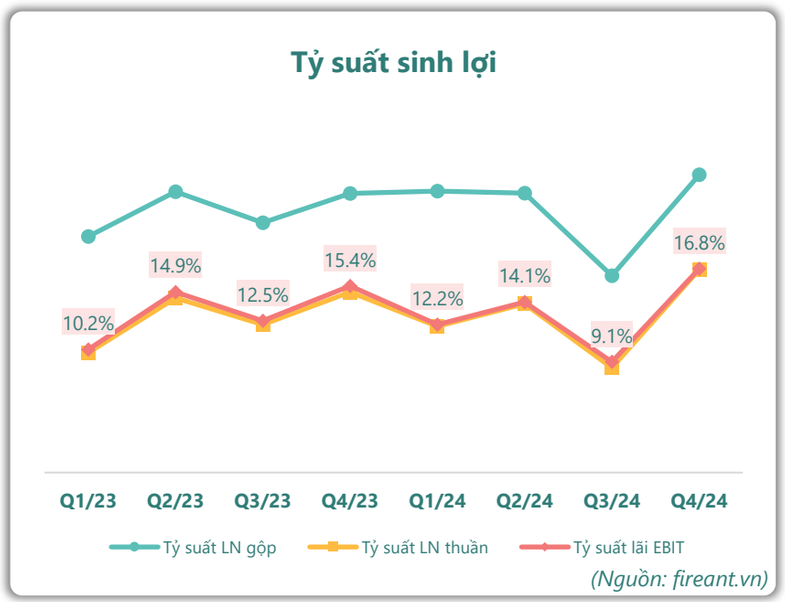
(Nguồn: fireant.vn)



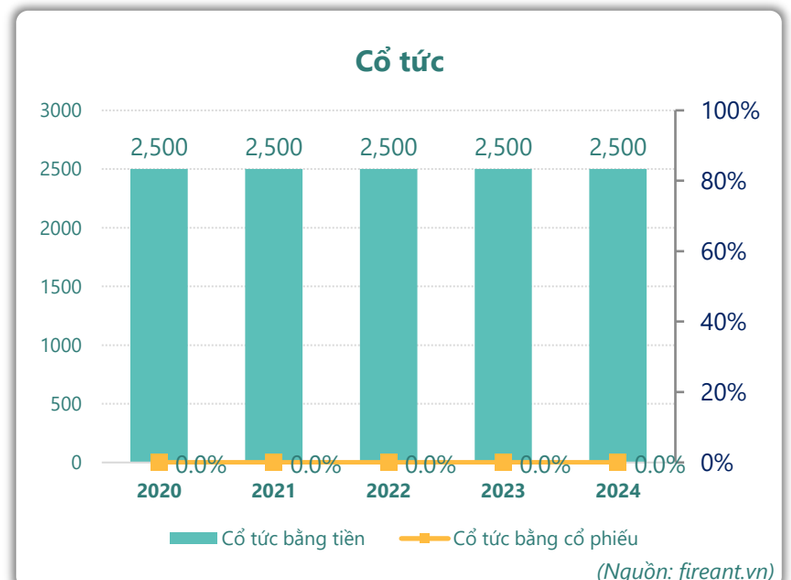
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



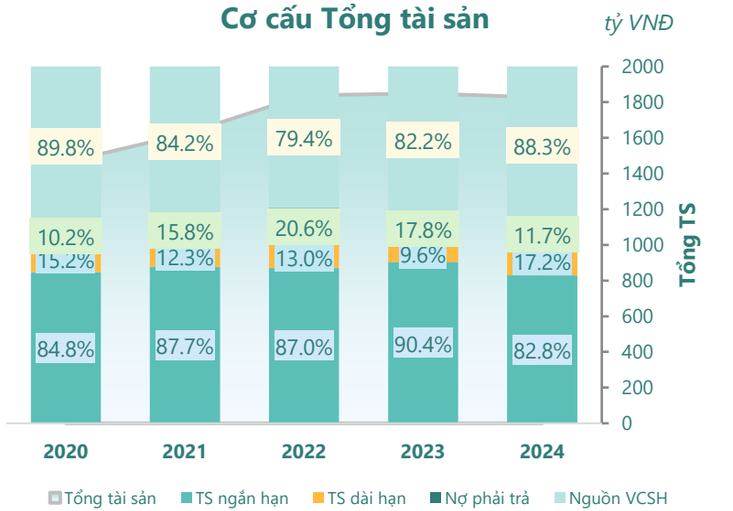
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

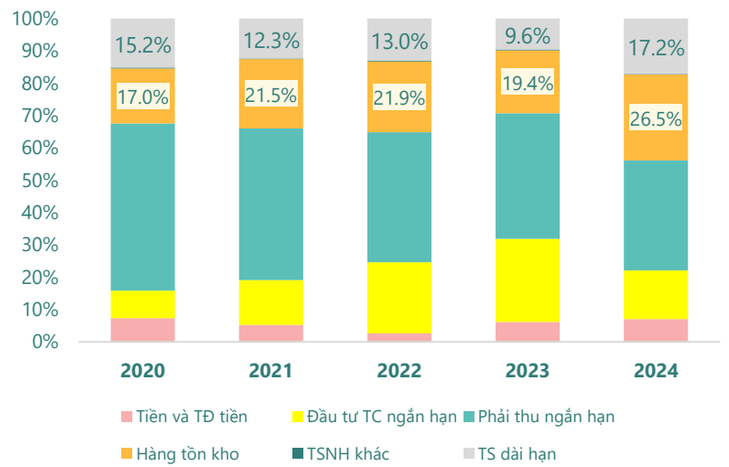
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



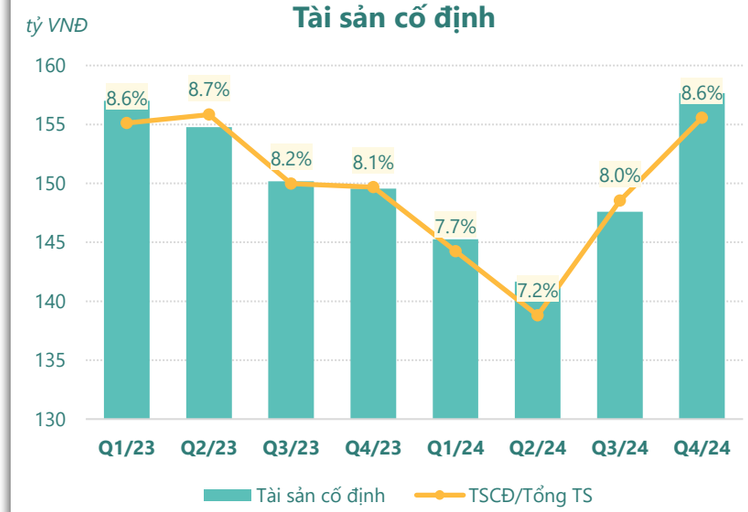
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



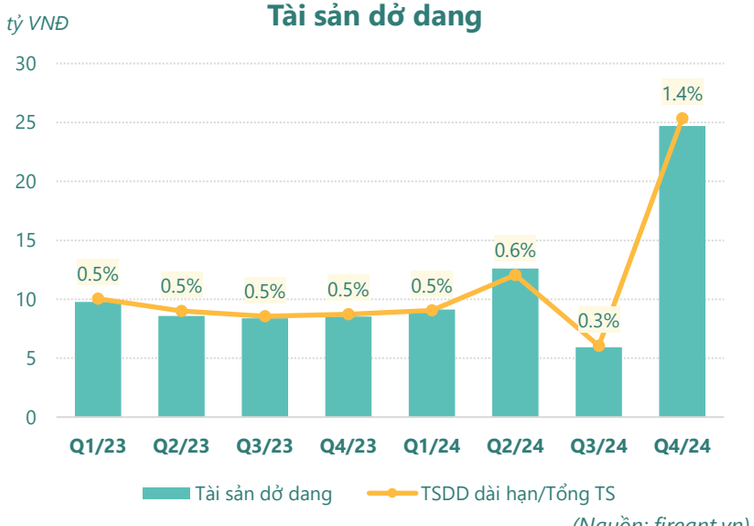
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



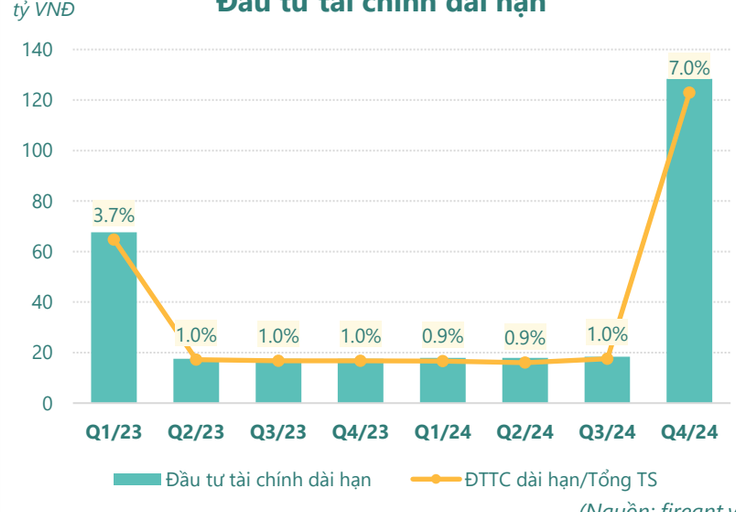
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



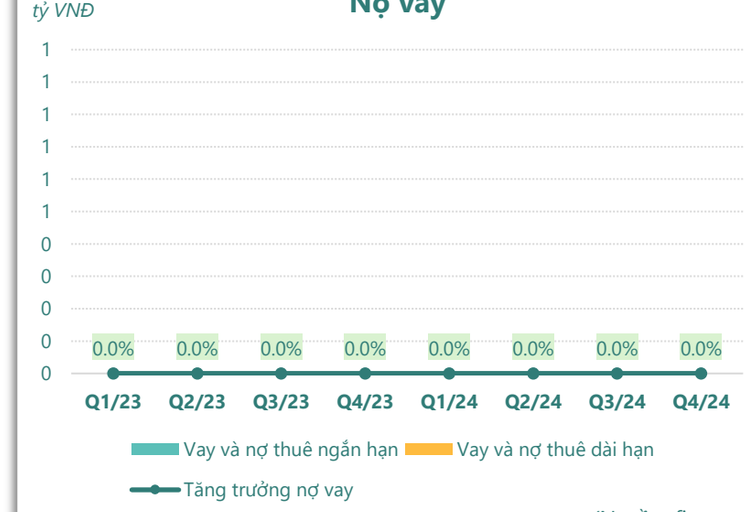
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

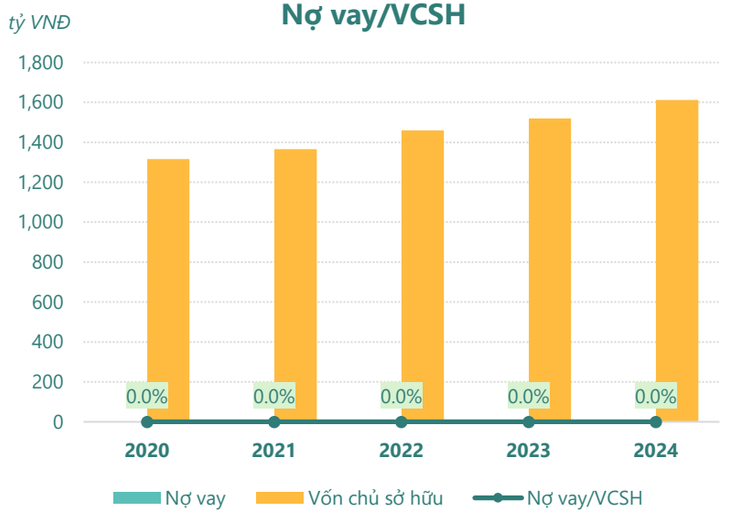
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

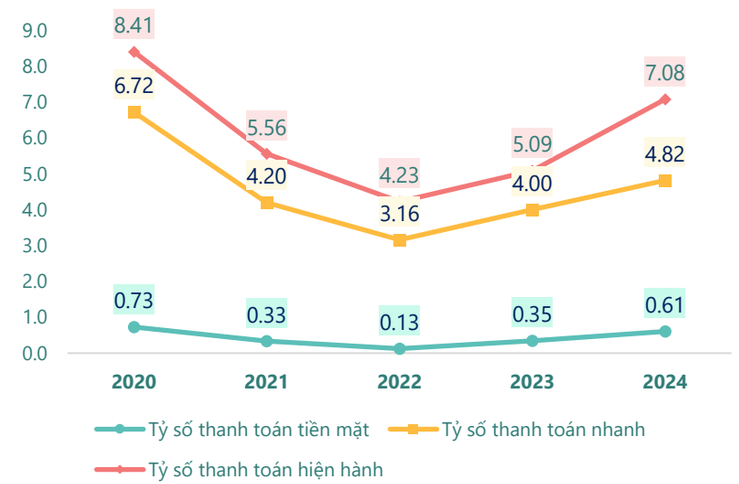
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



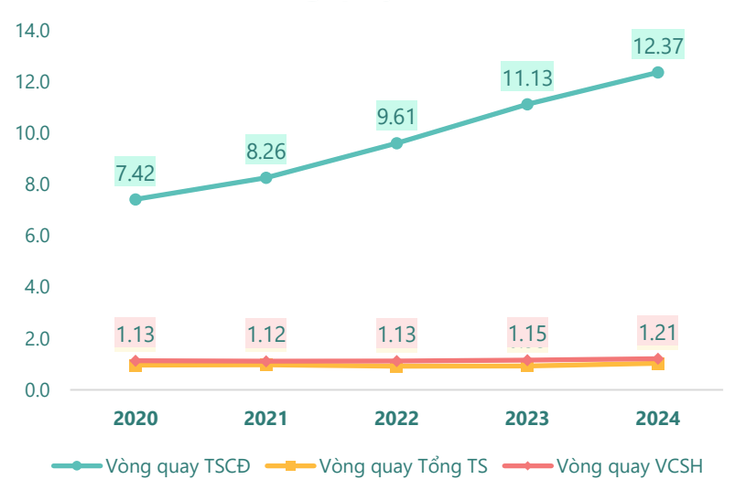
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



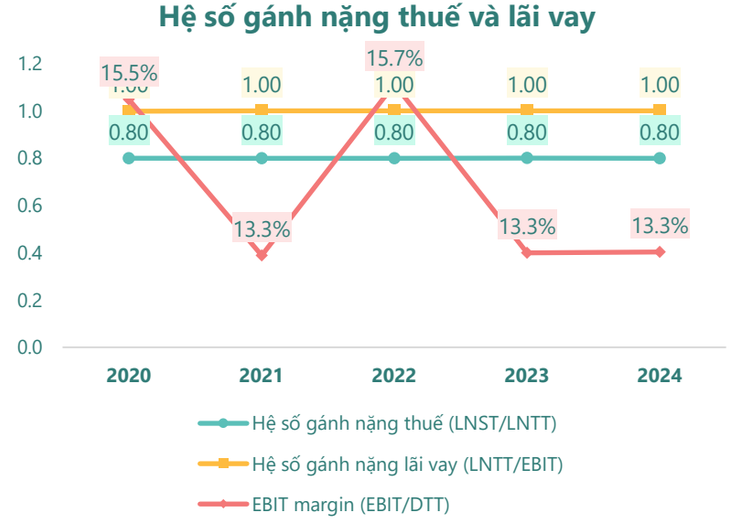
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



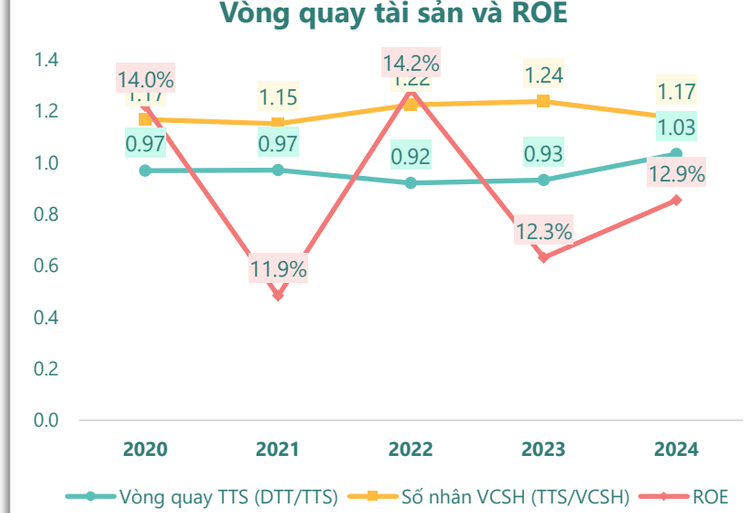
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



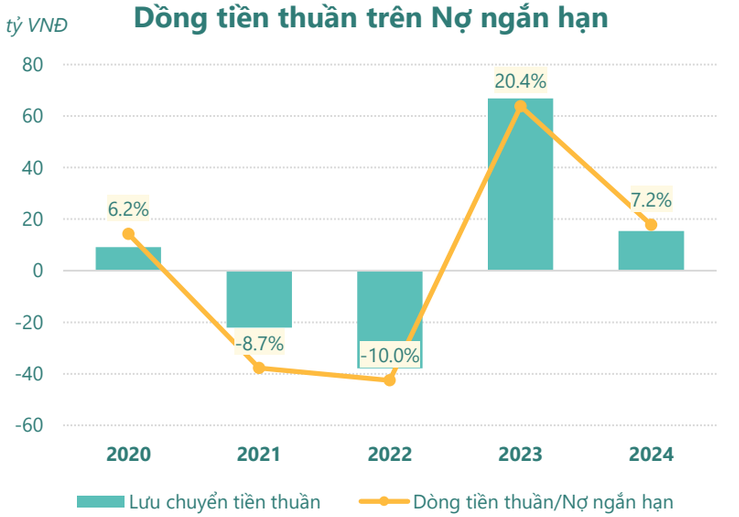
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**571**	**469**	**21.6%**	**1,899**	**1,719**	**10.5%**
Giá vốn hàng bán	430	361	19.1%	1,482	1,347	10.0%
Lợi nhuận gộp	140	108	30.0%	417	372	12.2%
Doanh thu HĐTC	3.29	10.8	-69.5%	29.7	44.2	-32.9%
Chi phí TC	1.19	1.71	-30.5%	6.13	5.21	17.6%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	27.4	30.3	-9.5%	114	114	0.0%
Chi phí QLDN	**19.4**	**17.1**	**13.2%**	**77.7**	**75.0**	**3.7%**
LN thuần từ HĐKD	95.7	69.9	37.0%	250	222	12.2%
Lợi nhuận khác	**0.38**	**2.41**	**-84.1%**	**3.86**	**6.72**	**-42.5%**
LN trước thuế	96.1	72.3	32.9%	253	229	10.6%
Lợi nhuận sau thuế	**76.9**	**57.8**	**33.0%**	**203**	**183**	**10.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**76.9**	**57.8**	**33.0%**	**203**	**183**	**10.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	50.3	75.2	5.27	-23.8	-68.0	102
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-14.4	33.0	-58.2	6.23	125	13.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-86.8	0	0	0	-86.8
Tiền đầu kỳ	52.0	87.8	114	61.5	43.9	101
Lưu chuyển tiền thuần	**35.9**	**21.5**	**-52.9**	**-17.6**	**57.3**	**28.5**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.03	0	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	87.8	109	61.5	43.9	101	130

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,827**	**1,849**	**-1.2%**
Tài sản ngắn hạn	1,513	1,671	-9.5%
Tiền và tương đương tiền	130	114	13.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	274	475	-42.3%
Phải thu ngắn hạn	622	719	-13.5%
Hàng tồn kho	484	359	35.0%
Tài sản ngắn hạn khác	3.74	4.73	-20.8%
Tài sản dài hạn	**313**	**178**	**76.3%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	158	150	5.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	24.7	8.54	189%
Đầu tư tài chính dài hạn	128	17.9	617%
Tài sản dài hạn khác	**2.65**	**1.71**	**55.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	214	329	-34.8%
Nợ ngắn hạn	**214**	**328**	**-34.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	151	279	-45.8%
Nợ dài hạn	0.46	0.38	20.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,613**	**1,521**	**6.1%**
Vốn chủ sở hữu	**1,613**	**1,521**	**6.1%**
Vốn điều lệ	347	347	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)